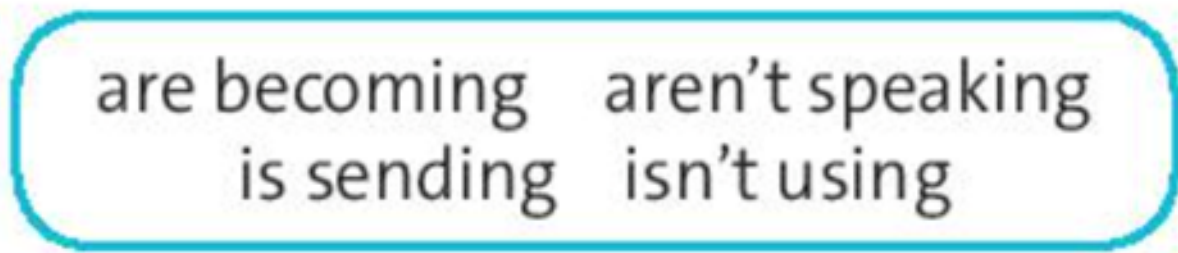


Nội dung bài viết

1. [Soan Unit 2 Language Focus trang 23 lớp 7 Friends plus](#)

Soạn Unit 2 Language Focus trang 23 lớp 7 Friends plus

1 (trang 23 sgk Tiếng Anh 7 Friends plus) Complete the sentences with the words in the box. Check your answers in the text on page 22. Then choose the correct words in the Rules. (Hoàn thành các câu với các từ trong hộp. Kiểm tra câu trả lời của bạn trong phần văn bản ở trang 22. Sau đó chọn các từ đúng trong Quy tắc.)



Đáp án:

1. is sending 2. isn't using
3. are becoming 4. aren't speaking

Hướng dẫn dịch:

1. Anna đang gửi cho Lucy một tin nhắn tức thì.
2. Anna không dùng lời nói thật.
3. Chúng đang trở thành một ngôn ngữ quốc tế thực sự.
4. Chúng tôi không nói chuyện trực tiếp.

RULES

- 1 We use the present continuous to talk about **things happening now / habits**.
- 2 We make the present continuous with the verb **do / be** and the **-ing / base** form of a verb.
- 3 We don't usually use some verbs in the present continuous. Two of these are **be / live** and **make / have (possession)**.

Đáp án:

1. things happening now 2. be – ing 3. live – have

Hướng dẫn dịch:

1. Chúng ta sử dụng hiện tại tiếp diễn để nói về những thứ đang xảy ra bây giờ.
2. Chúng ta sử dụng hiện tại tiếp diễn với động từ “be” và “-ing”.
3. Chúng ta không thường dùng các động từ ở hiện tại tiếp diễn. 2 trong số đó là “live” và “have” (sở hữu).

2 (trang 23 sgk Tiếng Anh 7 Friends plus) Read the Study Strategy. Then write the “ing” form of the verbs. Check your answers in the text on page 22 (Đọc Chiến lược Nghiên cứu. Sau đó viết dạng “ing” của các động từ. Kiểm tra câu trả lời của bạn trong phần văn bản ở trang 22)

Đáp án:

1. becoming 2. using 3. sending 4. speaking 5. sitting 6. writing

3 (trang 23 sgk Tiếng Anh 7 Friends plus) Look at picture A. Complete sentences 1-5 using affirmative and negative forms of the present continuous (Nhìn vào hình A. Hoàn thành các câu 1-5 sử dụng các dạng khẳng định và phủ định của thì hiện tại tiếp diễn)

Đáp án:

1. A man, a woman and a dog are sitting in a boat.

A man, a woman and a dog aren't sitting in a boat.

2. The man is having a conversation.

The man isn't having a conversation

3. The woman is listening.

The woman isn't listening.

4. She is sleeping.

She isn't sleeping.

5. The dog is pointing to a sign.

The dog isn't pointing to a sign.

Hướng dẫn dịch:

1. Một người đàn ông, một phụ nữ và một con chó đang ngồi trên thuyền.

Một người đàn ông, một phụ nữ và một con chó đang không ngồi trên thuyền.

2. Người đàn ông đang có một cuộc trò chuyện.

Người đàn ông đang không có một cuộc trò chuyện.

3. Người phụ nữ đang lắng nghe.

Người phụ nữ đang không nghe.

4. Cô ấy đang ngủ.

Cô ấy đang không ngủ.

5. Con chó đang chỉ vào một dấu hiệu.

Con chó đang không chỉ vào một dấu hiệu.

4 (trang 23 sgk Tiếng Anh 7 Friends plus) PRONUNCIATION. Sentence stress (PHÁT ÂM. Trọng âm câu)

When we speak, we often put stress on content words. Content words carry important information. (Khi chúng ta nói, chúng ta thường đặt trọng âm vào các từ nội dung. Nội dung từ mang thông tin quan trọng.)

LINDA is DANCING

PETER is READING a STORY.

We don't put stress on structure words. Structure words make a sentence grammatically correct. For example, *am - is - are* are structure words in the present continuous tense.

Read and highlight the words we put stress on. Then listen and check. (Đọc và đánh dấu những từ chúng ta nhấn mạnh. Sau đó, lắng nghe và kiểm tra.)

Hướng dẫn dịch:

1. Họ không có một kỳ nghỉ tuyệt vời!
2. Người đàn ông đang giúp con chó.
3. Con chó đang bơi.
4. Người phụ nữ không ngủ.
5. Người đàn ông đang nói chuyện điện thoại.

5 (trang 23 sgk Tiếng Anh 7 Friends plus) Look at picture B. Read the sentences from exercise 4. Say if the sentences are True or False (Nhìn vào tranh B. Đọc các câu trong bài tập 4. Cho biết các câu là Đúng hay Sai)



Đáp án:

1. True	2. False	3. False	4. True	5. True
---------	----------	----------	---------	---------